

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Công văn số 04/DTVN-HC.2025 ngày 18/3/2025 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn DINTSUN Việt Nam về việc đề nghị phê duyệt cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Xây Đá B, huyện Châu Thành và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 38/TTr-SNNMT-MT ngày 26/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn DINTSUN Việt Nam, địa chỉ ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Xây Đá B, huyện Châu Thành, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Xây Đá B, huyện Châu Thành (sau đây gọi là Dự án).

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200764052 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/6/2022.

1.4. Mã số thuế: 2200764052.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

1.6.1. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích của Dự án: 53,9 ha. Trong đó, diện tích đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp là 37,98 ha; đất hạ tầng kỹ thuật 1,47 ha; đất trồng cây xanh 5,82 ha; đất giao thông 8,2 ha; đất xây dựng trung tâm điều hành 0,61 ha.

- Ngành nghề thu hút đầu tư: May mặc, sản xuất thùng giấy (từ giấy cuộn), vải, in, thêu.

1.6.2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp

- Hệ thống các công trình giao thông nội bộ, vỉa hè: Bao gồm 13 tuyến đường nội bộ, tổng chiều dài 4.517 m, tổng diện tích là 8.200 m², lộ giới 13 - 22 m kết nối với Quốc lộ 1A qua tuyến đường đường dẫn dài khoảng 300 m. Đường giao thông nội bộ được thiết kế là cấp III đồng bằng (vận tốc ≥ 40 km/h), tải trọng thiết kế loại trục xe 12T, chiều rộng làn xe 3,5 m, chiều rộng làn đi bộ tính toán 0,75 m, bán kính cong bó vỉa $R = 15 - 20$ m.

- Hệ thống thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế bằng cống tròn đặt ngầm BTCT D600 - D1.000, với tổng chiều dài 8.021 m và 312 hố ga, khoảng cách 26 m/hố. Độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c = 0,5$ m, độ dốc cống tối thiểu 0,4% đảm bảo khả năng tự làm sạch cống. Số lượng điểm và vị trí xả nước mưa vào môi trường gồm có 6 cửa xả bằng bê tông cốt thép D1.000, có nắp cống bằng thép đường kính 1,2 m để ngăn nước mặt từ kênh chảy tràn ngược vào cống thoát nước. Cụ thể, 4 cửa xả ra kênh Bà Năm Hương (ký hiệu: CX01, CX02, CX03, CX04) và 2 cửa xả ra kênh Lâm Liên (ký hiệu: CX05, CX06).

- Thoát nước và xử lý nước thải

+ Hệ thống thoát nước thải: Các tuyến cống thu gom nước thải bố trí dọc các tuyến đường nội bộ, Dự án sử dụng 02 loại cống D400 và D600, với tổng chiều dài là 1.750 m để thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp; trên tuyến cống bố trí 76 hố ga bằng bê tông cốt thép.

+ Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp: Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế là 1.500 m³/ngày đêm đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cụm công nghiệp; nước thải sau xử lý, thoát ra 01 cửa xả trên Kênh Bà Năm Hương.

- Các hạng mục phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Hồ sự cố có thể tích 10.500 m³, đảm bảo lưu chứa nước thải trong 7 ngày, hồ được lót bạt HDPE có chiều dày 1 mm để chống thấm; hồ sinh học bằng bê tông, với thể tích là 720 m³ và hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục đối với nước thải.



- Cấp nước (sinh hoạt, sản xuất): Tổng nhu cầu sử dụng nước lớn nhất của Cụm công nghiệp là 2.504,17 m³/ngày đêm; nguồn nước cấp được lấy từ hệ thống cấp nước tại địa phương.

- Dự án thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và Dự án có tiêu chí môi trường như Dự án nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn DINTSUN Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn DINTSUN Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát thải chất ô nhiễm, tiếng ồn, để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025 đến ngày 28 tháng 3 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung được cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./ *thm*

Nơi nhận:

- Cty TNHH DINTSUN Việt Nam;
- Sở NN&MT;
- UBND huyện Châu Thành;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT: *1*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam

SÓC



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải của các dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp đã được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp (xử lý đạt Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải: 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải là Kênh Bà Năm Hương, thuộc ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Tại 01 vị trí, kênh Bà Năm Hương thuộc ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (NT3) (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiếu 6°): X= 1075908; Y= 542500.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.500 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tự chảy ra mương quan trắc tự động; sau đó, dẫn qua hồ sinh học và sẽ chảy vào hố ga 1 (NT2, tọa độ: X= 1076175; Y= 542536); sau đó, nước thải tự chảy theo đường cống bê tông D600 mm qua hố ga 2 (NT3, tọa độ: X= 1075908; Y= 542500), hố ga này phục vụ cho công tác lấy mẫu nước thải sau xử lý; sau cùng, thải ra nguồn tiếp nhận là kênh Bà Năm Hương.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A; $k_q = 0,9$, $k_f = 1$), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột A; $k_q = 0,9$, $k_r = 1$)	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	-	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9	-	Đã lắp đặt
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	-	Đã lắp đặt
4	COD	mg/l	75	-	Đã lắp đặt
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	-	Đã lắp đặt
6	Màu	Pt/Co	50	03 tháng/lần	
7	BOD5 (20°C)	mg/l	30		
8	Asen	mg/l	0,05		
9	Thủy ngân	mg/l	0,005		
10	Chì	mg/l	0,1		
11	Cadimi	mg/l	0,05		
12	Crom (VI)	mg/l	0,05		
13	Crom (III)	mg/l	0,2		
14	Đồng	mg/l	2		
15	Kẽm	mg/l	3		
16	Niken	mg/l	0,2		
17	Mangan	mg/l	0,5		
18	Sắt	mg/l	1		
19	Tổng xianua	mg/l	0,07		
20	Tổng phenol	mg/l	0,1		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5		
22	Sunfua	mg/l	0,2		
23	Florua	mg/l	5		
24	Tổng nitơ	mg/l	20		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4		
26	Clorua	mg/l	500		
27	Clo dư	mg/l	1		
28	Tổng hoá chất BVTV clo hữu cơ	mg/l	0,05		
29	Tổng hoá chất BVTV phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3		
30	Tổng PCB	mg/l	0,003		
31	Coliform	Vi khuẩn/ 100 ml	3.000		
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		



B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, nhà ăn thuộc khu vực văn phòng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sẽ được thu gom vào trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Nguồn số 2: Nước thải của các dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp đã được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp sẽ được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp thông qua các hố thu bố trí trên đường cống thu gom nước thải đặt dọc trên các tuyến đường N3, N4, N5, D2, D4 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Dự án sử dụng 02 loại cống D400 và D600 để thu gom nước thải như sau:

+ Đường ống thu gom nước thải gồm cống HDPE D400 bố trí dọc các tuyến đường N4, N5, D2, D4 (đoạn từ giao đường N5 đến đường N4), với tổng chiều dài là 1.079,2 m. Tại các vị trí ngang đường sẽ bố trí cống bê tông ly tâm D400, với tổng chiều dài là 33,8 m. Trên đường ống thu gom sẽ lắp đặt 45 hố gas bằng bê tông cốt thép, kích thước mỗi hố ga (2 m x 1 m x 1 m).

+ Đường ống thu gom nước thải gồm cống HDPE D600 bố trí dọc các tuyến đường N3, D4 (đoạn từ giao đường N4 đến đường N3), với tổng chiều dài là 603,3 m. Tại các vị trí ngang đường và trên đường D2 từ điểm giao với đường N3 đến hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ bố trí cống bê tông ly tâm D600 với tổng chiều dài là 33,8 m. Trên đường ống thu gom sẽ lắp đặt 31 hố gas bằng bê tông cốt thép, kích thước mỗi hố ga (2,2 m x 1,2 m x 1,2 m).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

*** Tóm tắt quy trình công nghệ**

- Nước thải → Hố thu gom tập trung → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Cụm bể phản ứng keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Trạm quan trắc tự động → Hồ sinh học → Hố ga lấy mẫu → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 1.500m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine, phèn nhôm, phèn sắt, PAC, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 trạm quan trắc.

- Vị trí lắp đặt: Cuối đường ống dẫn nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Đã lắp đặt.
- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sóc Trăng để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Công trình ứng phó sự cố

Chủ dự án đã xây dựng hồ sự cố quy cách (D x R x H t= 100 x 21 x 5,5 m), tổng thể tích hồ là 10.500 m³ (khả năng lưu chứa nước thải của Dự án trong 7 ngày); hồ được lót chống thấm bằng nhựa HDPE dày 1 mm.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Vận hành Trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thiết lập giá trị cảnh báo sớm cho hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo theo quy định.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành Trạm xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện các trạm xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

- Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố nghiêm trọng và kéo dài sẽ báo cáo chính quyền địa phương, cơ quan cấp phép môi trường để giám sát, kiểm tra khắc phục; nước thải phát sinh sẽ được lưu giữ tại hồ ứng phó sự cố có thể tích 10.500 m³; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải tại hồ sự cố được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải có công suất 1.500 m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Tại bể tiếp nhận nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải, tọa độ: X=1076175; Y= 542536.

+ Tại hố ga quan trắc nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải, tọa độ: X=1076117; Y= 542536.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.



2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thường xuyên kiểm tra, tuyệt đối không để rò rỉ nước thải hoặc thải trực tiếp nước thải chưa được xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải, nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Cụm công nghiệp.

3.3. Hệ thống thu gom thoát nước thải, thu gom, thoát nước mưa phải thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo tốt công tác vận hành; đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

3.4. Bố trí đủ kinh phí, nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải, ứng phó sự cố từ công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sóc Trăng. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.6. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3.7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn DINTSUN Việt Nam chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Phần A Phụ lục này vào môi trường và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực phòng đặt máy phát điện dự phòng của Hệ thống xử lý nước thải (công suất máy 715 kVA); máy nén khí, máy bơm phục vụ cho vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng phục vụ phòng cháy, chữa cháy (công suất máy 50 kVA).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiếu 6°):

- Nguồn số 1: X= 1076137; Y= 542545.

- Nguồn số 2: X= 1075812; Y= 542140.

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

Stt	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường



B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại ít phát sinh tiếng ồn, rung; bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý; hệ thống máy chính nén khí được trang bị thiết bị giảm tiếng ồn.

- Lắp đặt các tấm đệm bằng cao su hoặc xốp cho các thiết bị nhằm làm giảm độ rung do thiết bị gây nên; trang bị bảo hộ cho công nhân làm việc tại những bộ phận phát sinh tiếng ồn lớn.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị như bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động và giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.





Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh từ vận hành Cụm Công nghiệp

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án khoảng 320 kg/năm, với thành phần và khối lượng như sau:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	16 01 06	25
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	20
4	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	20
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	15
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm dầu	Rắn	18 02 01	20
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	100
8	Pin	Rắn	19 06 01	50
9	Acquy	Rắn	16 01 12	40
10	Bao bì đựng thuốc BVTV	Rắn	14 01 05	5
12	Hộp mực in	Rắn	08 02 04	25
	Tổng số lượng			320



1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Bao bì nhựa, giấy và các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: Khối lượng phát sinh khoảng 600 kg/tháng.

- Ngoài ra, quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sẽ phát sinh khoảng 1,91 tấn bùn/ngày, khối lượng bùn này sẽ được phân tích các thành phần nguy hại, nếu có thành phần nguy hại trong bùn thải thì sẽ thực hiện quản lý, xử lý lượng bùn này như chất thải nguy hại; không có thành phần nguy hại thì thực hiện quản lý, xử lý như chất thải công nghiệp thông thường.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 58,4 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH từ vận hành Cụm công nghiệp

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

- Thiết bị lưu chứa: 12 thùng nhựa có nắp đậy (06 thùng loại 60 lít và 06 thùng loại 120 lít); thiết bị lưu chứa được dán nhãn phân loại chất CTNH theo đúng quy định.

- Kho chứa CTNH: Diện tích 20 m², kết cấu tường xây gạch, nền bê tông, mái tole, có biển báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Máy ép bùn khung bản có công suất 1.304 - 1.577 kg/m² (độ ẩm bùn sau ép từ 65 - 75%); khu vực xử lý bùn thải có diện tích 44 m².

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng nhựa có nắp đậy thể tích 120 lít/thùng.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 80 m²; nền bê tông, tường xây gạch, mái tole.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Riêng đối với bùn thải từ quá trình nạo vét các hố ga trên cống thoát nước của hạ tầng Cụm công nghiệp sẽ được Chủ dự án đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp thuê đơn vị có đủ chức năng để hút bùn, xử lý; định kỳ 01 lần/năm (lượng bùn này không lưu chứa tại Dự án).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: 06 thùng nhựa có nắp đậy (thùng 90 - 120 lít/thùng).

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.



B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về cháy nổ, sự cố về rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

D. ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CỦA CÁC DỰ ÁN THỨ CẤP ĐẦU TƯ VÀO CỤM CÔNG NGHIỆP

Đối với các loại chất thải như CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý, thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Xây Đá B, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 03/3/2020.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nổi của Chủ đầu tư hạ tầng Cụm Công nghiệp; kiểm soát lưu lượng nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp không vượt quá công suất thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

2. Tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra nguồn tiếp nhận; công khai, minh bạch các tuyến đường ống thu gom thoát nước mưa, nước thải; đầu nổi nước mưa, nước thải đảm bảo đúng vị trí trong hồ sơ giấy phép môi trường đã được cấp phép; thực hiện tách riêng biệt, triệt để hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải của Dự án.

3. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án.

4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường; công khai thông tin giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình thanh tra, kiểm tra.

5. Bố trí nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; thực hiện quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động và các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động của Dự án.



6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

